TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2018/QĐTT-HNGĐ	*Yên Khánh, ngày 18 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tú A - Sinh năm 1993.

Địa chỉ: Đội 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Vũ Văn C - Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm 10, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Tú A; sinh năm 1993; địa chỉ: Đội 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; anh Vũ Văn C; sinh năm: 1991; địa chỉ: Xóm 10, xã K, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Tú A và anh Vũ Văn C chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung (riêng): Giao cháu Vũ Lê Đức T, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2016 cho chị Lê Thị Tú A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Vũ Lê Đức T trưởng thành đủ 18 tuổi tự lập được cuộc sống và anh Vũ Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị A mỗi tháng là 700.000đ *(Bảy trăm nghìn đồng)* kể từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Vũ Văn C có quyền đi lại thăm nom con chung. Về con riêng anh, chị không ai có nên chị A và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Lê Thị Tú A và anh Vũ Văn C đều xác định anh, chị không có tài sản chung, tài sản riêng; công nợ và đất nông nghiệp không có nên chị A và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Lê Thị Tú A phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm và 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí về cấp dưỡng nuôi con; được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001833 ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND tỉnh.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh Nhạc.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Văn Vinh